

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/DS-PT

Ngày: 14- 01- 2025

V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hải

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 646/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp " Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 300/2024/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 787/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện theo ủy quyền: Chị **Đỗ Thị Thu N**, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn:

1. Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1961 (có mặt);

2. Bà **Trương Thị Kim V**, sinh năm 1967 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Người kháng cáo: Bị đơn bà Trương Thị Kim V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Huỳnh Văn T và đại diện ủy quyền bà Đỗ Thị Thu N trình bày:*

Ngày 28/9/2021, vợ chồng ông B, bà V vay của ông T số tiền 30.000.000 đồng, mục đích giải quyết việc gia đình, thỏa thuận lãi suất như mức lãi suất của ngân hàng, thời gian vay là 02 năm, giao dịch có làm “Biên nhận tiền” ngày 28/9/2021 do bà V ký tên, ghi họ tên. Quá trình vay tiền thì ông B, bà V có trả lãi cho ông T từ khi vay đến tháng 12/2023 mỗi tháng là 240.000 đồng. Đến hạn, ông T yêu cầu ông B, bà V trả vốn nhưng ông bà không thực hiện nên ông T yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Tại buổi hòa giải ở ấp T, xã T thì bà V thừa nhận còn nợ ông T 30.000.000 đồng và xin tiếp tục trả lãi, hẹn đến lúa vụ 3 năm 2023 sẽ trả đủ vốn nhưng cũng không thực hiện kéo dài đến nay.

Ông T yêu cầu ông B, bà V cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc còn nợ 30.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 240.000 đồng/tháng kể từ ngày 01/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, ông T không có yêu cầu gì khác.

** Bị đơn bà Trương Thị Kim V trình bày:*

Bà V và ông B là vợ chồng. Ngày 12/4/2015, vợ chồng bà có vay của ông T số tiền 30.000.000 đồng, số tiền này ông T chia lại từ nguồn vay bò sinh sản, xóa đói giảm nghèo của hộ ông Lê Tấn T1, do thời điểm đó ông T đang là trưởng ấp T, xã T. Ông T có lấy 1.500.000 đồng tiền hoa hồng và tính số tiền phải trả hàng tháng là 540.000 đồng, trả trong 05 năm sẽ hết nợ. Khi vợ chồng bà trả được 05 tháng thì ông T nói người ta đòi tiền gốc lại, nếu không trả thì phải trả lãi 06%/tháng nhưng vợ chồng bà không đồng ý. Cuối cùng hai bên thống nhất là vợ chồng bà trả lãi 03%/tháng cho số tiền gốc 30.000.000 đồng trong thời gian 05 năm thì ông T sẽ hủy hết số nợ.

Vợ chồng bà đã trả lãi liên tục đến năm 2021 nhưng ông T không hủy nợ mà còn làm “Biên nhận tiền” ngày 28/9/2021, biên nhận do ông T viết, bà có đọc lại nội dung biên nhận và ký tên, ghi họ tên. Sau đó, vợ chồng bà tiếp tục trả lãi theo biên nhận mỗi tháng 240.000 đồng đến tháng 12/2023 thì không trả nữa nên ông T yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Khi hòa giải ở ấp T, xã T thì chỉ có bà và ông T, bà và ông T thống nhất số nợ 30.000.000 đồng là số tiền vợ chồng bà cùng vay từ năm 2015 và bà đồng ý trả lãi tiếp vài tháng nữa để chính quyền địa phương giải quyết cho vợ chồng bà.

Bà V không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T do vợ chồng bà đã trả lãi quá nhiều nhưng ông T không xóa nợ. Ngoài ra, bà V không có yêu cầu gì khác.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:*

Ông B và bà V là vợ chồng. Ông B thống nhất với lời trình bày của bà V về thời gian vay, nội dung thỏa thuận giữa hai bên và quá trình trả lãi đối với số tiền 30.000.000 đồng vay của ông T.

Ông B không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T do năm 2021 ông không có nhận 30.000.000 đồng của ông T, ông cũng không có ký tên trong “Biên nhận tiền” ngày 28/9/2021 và tổ hòa giải của ấp T, xã T cũng không có mời ông tham dự hòa giải để ông biết sự việc vay mượn tiền của ông T. Ngoài ra, ông B không có yêu cầu gì khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 300/2024/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T.

1. Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị Kim V cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn B.

Bà Trương Thị Kim V phải nộp 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Văn T là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không phải hoàn.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 07 tháng 8 năm 2024, bị đơn bà Trương Thị Kim V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trương Thị Kim V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ cho yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu N không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị Kim V. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 300/2024/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Bị đơn bà Trương Thị Kim V kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Trương Thị Kim V là đúng theo quy định tại điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị Kim V và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Huỳnh Văn T yêu cầu ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị Kim V cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng xuất phát từ hợp đồng vay tiền giữa hai bên. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông T đã giao nộp bản chính 01 văn bản có tiêu đề “Biên nhận tiền” ngày 28/9/2021 có chữ ký tên, ghi họ tên của bà V, nội dung văn bản thể hiện ông B, bà V có nhờ ông T vay dùm 30.000.000 đồng và cam kết đúng 02 năm sẽ hoàn tất nợ phù hợp với lời trình bày của ông T.

Phía bà V thừa nhận chữ ký tên, ghi họ tên trong “Biên nhận tiền” ngày 28/9/2021 là đúng chữ ký và chữ viết của bà. Tuy nhiên, ông B, bà V cho rằng số tiền 30.000.000 đồng là vay từ ngày 12/4/2015, thỏa thuận mỗi tháng trả 540.000 đồng trong 05 năm, sau đó thì hai bên thỏa thuận lại là trả lãi 03%/tháng liên tục 05 năm thì ông T sẽ xóa nợ nhưng đến năm 2021 ông T không xóa nợ mà kêu bà V ký “Biên nhận tiền”. Ông B, bà V có giao nộp các văn bản là bản photocopy ghi chép việc thu lãi + tiết kiệm của ông T, tuy nhiên số tiền là 50.000.000 đồng chứ không phải là số tiền 30.000.000 đồng đang tranh chấp và tờ tự khai của người làm chứng Trần Văn Đ có nội dung xác định số tiền 30.000.000 đồng đang tranh chấp là ông B, bà V vay của ông T từ ngày 12/4/2015. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị N thống nhất vào ngày 12/4/2015 ông B, bà V có vay của ông T 30.000.000 đồng nhưng đó là khoản nợ khác và đã tất toán xong. Ông B, bà V không có gì khác chứng minh số tiền 30.000.000 đồng theo “Biên nhận tiền” ngày 28/9/2021 là vay từ ngày 12/4/2015, cũng như việc hai bên thỏa thuận là trả lãi 03%/tháng liên tục 05 năm thì ông T sẽ xóa nợ nên không có cơ sở để xem xét.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông B và bà V đều thừa nhận là sau khi bà V ký “Biên nhận tiền” ngày 28/9/2021 thì ông bà có trả lãi theo biên nhận mỗi tháng 240.000 đồng, trả liên tục đến tháng 12/2023. Như vậy, cần xác định rằng mặc dù ông B không có ký tên vào “Biên nhận tiền” ngày 28/9/2021, nhưng ông B vẫn đồng ý với số tiền nợ mà bà V đã ký thể hiện qua việc cùng trả lãi cho ông T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông B và bà V cùng có nghĩa vụ liên đới trả tiền gốc theo yêu cầu của ông T là phù hợp với Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 là phù hợp

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà V không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị Kim V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T.

1. Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị Kim V cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Huỳnh Văn T và ông Nguyễn Văn B.

Bà Trương Thị Kim V phải nộp 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trương Thị Kim V chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ và số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009648 ngày 07/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang nên bà V đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G, TG;
- Chi cục huyện G, TG;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
DSPT-2025 (H)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Hải